**TAND TỈNH TN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TAND TP TN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 385/2020/HSST
Ngày: 10/9/2020

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN – TỈNH TN

## Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đoàn Thị Minh Huệ

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Xuân Viện 2. Ông Trần Quảng Thái

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Vũ Hoàng Yến - Cán bộ Toà án nhân dân TP TN.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP TN tham gia phiên toà: Bà Phùng Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố TN xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 395/2020/HSST ngày 25/8/2020 theo Q1 định đưa vụ án ra xét xử số: 398/2020/QĐXXST - HS ngày 28/8/2020 đối với các bị cáo:

**1.** Họ và tên: **Bùi Ngọc T,** sinh ngày 23 tháng 12 năm 1993; Tên gọi khác: Không, Nơi cư trú: xóm Đồng Tâm BR, xã ĐT, huyện TK, tỉnh CB; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Chức vụ khi phạm tội ( Đảng, chính quyền, đoàn thể) Không; Con ông: Bùi Bá Đ, sinh năm 1968; Con bà: Nông Thị L, sinh năm 1968; Trú tại: xóm Đồng Tâm BR, xã ĐT, huyện TK, tỉnh CB; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ 01. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang tại ngoại tại nơi cư trú (Không bị tạm giữ tạm giam).

(Có mặt tại phiên tòa).

**2. Họ và tên: Nông Văn Đ** sinh ngày 22 tháng 7 năm 1990; Tên gọi khác: Không. Nơi cư trú: xóm NS, xã CV, huyện TK, tỉnh CB; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Chức vụ khi phạm tội ( Đảng, chính quyền, đoàn thể) Không; Con ông: Nông Văn L1, sinh năm 1957; Con bà: Hoàng Thị H, sinh năm 1959; Trú tại: xóm NS, xã CV, huyện TK, tỉnh CB; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ 02; Vợ: Đàm Thị T, sinh năm 1993; Có 01 con, sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang tại ngoại tại nơi cư trú (Không bị tạm giữ tạm giam).

(Có mặt tại phiên tòa).

**Người làm chứng:**

Anh Hoàng Văn Q1 sinh ngày 25/5/1996 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm RR, xã LY, huyện TK, tỉnh CB

**Người chứng kiến:**

Anh Nguyễn T1 M sinh năm 1995 (Vắng mặt)

Trú tại: Xóm 3, xã T S, huyện T T, tỉnh T B
Anh Cù Huy C sinh năm 1974 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu 1, phường B S, thị xã B S, tỉnh T H

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 3 giờ ngày 19/01/2020, tổ công tác của Phòng Cảnh sát cơ động, Công an tỉnh TN đang làm nhiệm vụ tuần tra tại tổ 1, phường Thịnh Đán, thành phố TN, tỉnh TN thì phát hiện sự việc có dấu hiệu vận chuyển hàng cấm liên quan đến pháo và báo cho Công an thành phố TN. Tại hiện trường không có đối tượng vận chuyển, có xe ôtô mang biển kiểm soát: 15A - 103.17 đang đỗ sát lề đường hướng cao tốc TN đi Hà Nội. Trên xe có 01 thùng xốp kích thước khoảng 41 x 46 x 59 cm và 10 bình hình trụ tròn bằng kim loại có kích thước cao khoảng 70 cm, đường kính 14cm. Ngoài ra, sát bên cạnh xe ô tô nêu trên có một bao tải màu xanh và một thùng xốp kích thước khoảng 41 x 46 x 59 cm. Tổ công tác tiến hành kiểm tra bao tải màu xanh phát hiện bên trong có 11 vật dạng hình hộp có kích thước khoảng 14,5x14,5x15 cm, dán giấy mầu đỏ có in nhiều hình và chữ nước ngoài nghi là pháo. Tiếp tục kiểm tra thùng xốp bên dưới đất sát với xe ôtô BKS: 15A-103.17 và 01 thùng xốp trên xe ô tô nêu trên xác định bên trong mỗi thùng xốp đều chứa 12 vật dạng hình hộp có kích thước 14,5x14,5x15 cm, có dán giấy mầu đỏ, có in nhiều hình và chữ nước ngoài nghi là pháo. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản sự việc và tiến hành niêm phong toàn bộ số tang vật theo quy định.

Khoảng 10 giờ ngày 19/01/2020, Bùi Ngọc T đến Công an thành phố TN khai nhận là chủ xe ôtô BKS: 15A-103.17. T khai có quen với Trịnh Văn Quyến, sinh năm: 1992, trú tại: xã Phúc Trìu, thành phố TN, tỉnh TN. Ngày 17/01/2020, Quyến nhờ T liên hệ nhà xe gửi giúp hàng cho Quyến từ TK, tỉnh CB về thành phố TN. T nhận lời và gọi điện thoại cho Nông Văn Đ là lái xe khách cho Công ty Khánh Hoàn chạy tuyến CB - Hà Nội mà T quen trong một vài lần đi xe để gửi hàng cho Quyến và được Đ đồng ý. Lúc đó, cả T và Đ đều chưa biết hàng Quyến sẽ gửi là gì. Chiều tối ngày 18/01/2020, Trịnh Văn Quyến hẹn T đến nơi ở thuê trọ của Quyến tại xóm Pác Đông, xã Cảnh Tiên, huyện TK, tỉnh CB để chở hàng cho Quyến đi gửi. Sau đó, T điều khiển xe ôtô mang biển kiểm soát 15A-103.17 đến đón và chở hàng đi gửi cho Quyến. Tại đây, Quyến bê 01 thùng xốp và 01 bao tải màu xanh ra xe ôtô, T bê được 01thùng xốp lên xe ô tô thì có điện thoại, khi quay lại Quyến đã ngồi ở vị trí ghế lái của xe nên T ngồi ghế phụ. Trên đường chở hàng đi gửi, T nhìn bao tải xanh có các vật góc cạnh nên T nghĩ có pháo bên trong, còn trong 02 thùng xốp thì T không biết hàng gì. T hỏi Quyến hàng trong bao tải là pháo à nhưng Quyến không trả lời. Sau đó T gọi cho Nông Văn Đ thông báo cho Đ biết trong số hàng Quyến gửi có pháo ở bao tải để xem ý của Đ có cho gửi không, đồng thời Quyến nói với T là trả công cho Đ số tiền là 3.000.000

đồng, T chuyển lời của Quyến đến Đ nhưng chưa rõ số lượng pháo nên Đ không trả lời mà nói cứ mang xuống đây xem đã. Khi đến khách sạn Sài Gòn – Bản Giốc thuộc xã ĐT, huyện TK, tỉnh CB là điểm đỗ xe của nhà xe Khánh Hoàn, tại đây Quyến trao đổi việc gửi hàng với Đ, sau đó đưa 1.500.000 đồng cho Đ và cùng Đ bê 02 thùng xốp và 01 bao tải xanh vào cốp xe. Trong khi Hoàng Văn Q1, sinh năm 1996, trú tại: xã LY, huyện TK, tỉnh CB là phụ xe đang xếp khách trên xe ô tô thì Quyến lên xe nói chuyện với Q1, sau đó Quyến vay T 1.000.000 đồng để đưa cho Q1 và nói với Q1 hàng nhiều nên đưa cho Q1 ít tiền uống nước, Q1 không kiểm tra lại hàng và cầm tiền lên xe xếp khách tiếp.

Sau khi gửi pháo, T lái xe đưa Quyến về nhà thuê của Quyến, còn T đi về nhà ở xã ĐT, huyện TK, tỉnh CB. Do không vào được nhà, T quay lại đón Quyến ở nhà thuê của Quyến và 02 người phụ nữ, T biết một người tên Yến nhưng không rõ địa chỉ cụ thể, người còn lại T không biết tên cùng xuống TN. Khi đi hết địa phận CB thì Quyến bảo T để Quyến lái xe, T đồng ý đưa xe cho Quyến lái còn T ra ghế sau nằm ngủ. Trên đường đi khi qua địa phận huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn, Quyến đón 01 nam thanh niên cùng đi xuống TN, T không quen biết người này, không rõ ở đâu và làm gì. Khoảng 2 giờ 30 phút ngày 19/01/2020, khi đến khu vực thành phố TN, Quyến đưa T cùng nhóm người đi cùng Quyến vào thuê phòng tại nhà nghỉ và mượn xe của T về nhà thăm con.

Theo lịch trình, Nông Văn Đ và Hoàng Văn Q1 di chuyển từ khu vực thác Bản Giốc, huyện TK, tỉnh CB đi Hà Nội, khi đi đến địa phận tỉnh Bắc Kạn thì Công ty Khánh Hoàn yêu cầu Đ và Q1 giao xe cho Cù Huy C sinh năm: 1974, trú tại: phường Bắc Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa điều khiển và phụ xe là Nguyễn Tiến M, sinh năm: 1995, trú tại: xã Thụy Sơn, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình để tiếp tục vận chuyển khách đến bến xe Mỹ Đình, Hà Nội. Khi giao xe cho C, Đ có nhờ C thu cước, trả hộ 02 thùng xốp, 01 bao tải hàng và đưa số điện thoại của T cho C liên lạc. Khi C điều khiển xe đến khu vực đường tròn Tân Long, thành phố TN thì C gọi điện cho T để trả hàng. Sau khi gọi điện hỏi Quyến về địa điểm lấy hàng, T hẹn C đến nút giao Thịnh Đán, thành phố TN thì trả hàng. Khi C lái xe đến gần điểm hẹn thì Quyến đang lái xe ô tô của T đỗ sát lề đường bên phải, C đỗ xe còn M thì lên nóc xe bỏ hàng xuống giao cho khách, khi đang giao hàng thì có lực lượng Công an đến kiểm tra. Lúc này, Quyến đã bỏ đi khỏi hiện trường, để lại xe ô tô của T như trên.

Tại Cơ quan điều tra, Bùi Ngọc T khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên. Còn Đ khai biết rõ hàng trong bao tải xanh là pháo kể từ khi T gọi điện thoại cho Đ để gửi đồ hộ bạn đồng thời nói rõ có pháo trong bao tải và khi Đ cùng Q1 chuyển 02 thùng xốp, 01 bao tải màu xanh từ cốp xe lên nóc xe. Đ thấy trong bao tải xanh có các vật góc cạnh giống loại pháo dàn nên Đ càng chắc chắn hàng trong bao tải là pháo, còn hàng trong 02 thùng xốp thì Đ không rõ là hàng gì. Tại sân khách sạn Sài Gòn – Bản Giốc, Đ đồng ý nhận tiền công vận chuyển hàng và pháo từ CB về thành phố TN là 3.000.000 đồng, trong đó tạm ứng trước số tiền

1.500.000 đồng từ T, không phải từ Quyến. Đ chỉ thấy T đi cùng một nam thanh niên nhưng Đ không biết lai lịch địa chỉ.

Ngày 20/01/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TN tiến hành cân xác định khối lượng 02 thùng xốp và 01 bao tải; cụ thể:

- Thùng xốp sát cạnh xe (ký hiệu A1) có chứa 12 vật có hình dáng tương tự nhau, hình hộp chữ nhật, kích thước khoảng 14,5x14,5x15 cm, có dán giấy màu, bên ngoài in chữ nước ngoài, nghi là pháo có khối lượng là 16,7 kg. Lấy mẫu ký hiệu M1 gửi giám định.

- Bao tải màu xanh (ký hiệu A2) chứa 11 vật hình dáng tương tự nhau, hình hộp chữ nhật, kích thước khoảng (14,5x14,5x15) cm, có dán giấy màu, bên ngoài in chữ nước ngoài, nghi là pháo có khối lượng là 15,2 kg. Lấy mẫu ký hiệu M2 gửi giám định.

- Thùng xốp bên trong xe (ký hiệu A3) có chứa 12 vật có hình dáng tương tự nhau, hình hộp chữ nhật, kích thước khoảng (14,5x14,5x15) cm, có dán giấy màu, bên ngoài in chữ nước ngoài, nghi là pháo có khối lượng là 16,7 kg. Lấy mẫu ký hiệu M3 gửi giám định.

Tổng khối lượng số vật nghi là pháo có trong 02 thùng xốp và 01 bao tải là 48,6kg.

Tại bản kết luận giám định số 287/KL – KTHS ngày 12/2/2020 của Phòng KTHS Công an tỉnh TN kết luận mẫu M1, M2, M3 gửi giám định là pháo, có đầy đủ đặc tính của pháo nổ, có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ.

Ngày 21/01/2020, Cơ quan điều tra thi hành lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trịnh Văn Quyến tại xóm Pac Đông, xã Cảnh Tiên, huyện TK, tỉnh CB. Kết quả: không phát hiện thu giữ gì.

Tại phiên tòa, bị cáo T thay đổi lời khai, bị cáo xác định bị cáo là người đưa tiền cho Đ bằng tiền của Quyến tại sân khách sạn Sài Gòn – Bản Giốc nhưng không trao đổi về hàng gửi.

Tuy nhiên, Nông Văn Đ và Bùi Ngọc T đều biết và nhận thức rõ hàng Quyến gửi có pháo trong bảo tải màu xanh nhưng vẫn giúp Quyến, và đều không biết hàng trong 02 thùng xốp là gì.

Lời khai nhận của Bùi Ngọc T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của Nông Văn Đ về nội dung trao đổi qua điện thoại khi gửi hàng là pháo có trong bao tải, người đưa tiền, về cách thức vận chuyển và giá cả vận chuyển cũng như phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản sự việc, lời khai của người chứng kiến, vật chứng đã thu giữ, kết luận giám định.

***Vật chứng của vụ án:***

- 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA (INNOVA), biển kiểm soát 15A – 103.17. Hiện đã trả lại cho chủ sở hữu là ông Bùi Bá Đàm quản lý, sử dụng.

- 48,6 kg pháo nổ, đã gửi giám định 8,3 kg. Còn lại 40,3 kg, trong đó có 15,2 kg pháo nổ đang được bảo quản và lưu giữ tại kho của mỏ đá Núi Voi thuộc Công ty Cổ phần cơ điện luyện kim TN chờ xử lý.

Còn lại 25,1 kg pháo nổ cùng 10 bình hình trụ tròn bằng kim loại có kích thước cao khoảng 70 cm, đường kính 14cm. Qúa trình điều tra T khai là của Quyến nên Cơ quan điều tra tách ra làm rõ xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 318/CT- VKSTPTN, ngày 09/7/2020 Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN đã truy tố bị cáo Bùi Ngọc T, Nông Văn Đ về tội "Vận chuyển hàng cấm" theo điểm c khoản 1 Điều 190 Bộ luật hình sự 2015.

Kết thúc phần thẩm vấn, tại phần tranh luận, vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố TN giữ quyền công tố đã công bố bản luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Bùi Ngọc T, Nông Văn Đ phạm tội "Vận chuyển hàng cấm".

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự; và áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Đ. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Bùi Ngọc T, Nông Văn Đ từ 9 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo, truy thu xung quỹ nhà nước số tiền 1.500.000đ do phạm tội mà có của Đ xung quỹ Nhà nước.

Vật chứng vụ án: Áp dụng điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS.

Tịch thu tiêu hủy: 15,2 kg pháo nổ đang được bảo quản và lưu giữ tại kho của mỏ đá Núi Voi thuộc Công ty Cổ phần cơ điện luyện kim TN chờ xử lý.

Các bị cáo phải chịu án phí và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, các bị cáo thừa nhận việc truy tố, xét xử đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, không bị oan, các bị cáo đã biết lỗi của mình, các bị cáo xin được cải tạo tại địa phương. Bị cáo Đ trình bày hiện vợ của bị cáo đang bị ung thư phải đi điều trị, cần người chăm sóc.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào những chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, Q1 định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, Q1 định tố tụng của Cơ quan điều tra, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, Q1 định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, Q1 định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Cơ quan điều tra đã thu giữ được 01 bao tải là 15,2 kg pháo nổ và hai thùng xốp bên trong chứa các hình ống trụ, kích

thước mỗi ống dài 15cm, đường kính 2,4cm  có tổng khối lượng 33,4kg là pháo nổ. Kết quả điều tra xác định là do Q1, T thuê Đ vận chuyển từ TK CB về TN với giá 3.000.000 đồng, Đ đã nhận 1.500.000 đồng và bồi dưỡng cho phụ xe 1.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, kết quả tranh tụng, đối chất tại phiên tòa bị cáo Đ, T chỉ thừa nhận khối lượng pháo trong bao tải xanh là 15,2kg pháo các bị cáo vận chuyển nhưng không thừa nhận trọng lượng 33,4 kg pháo trong hai thùng xốp với lý do là các bị cáo không biết đó là pháo do không có nhãn mác và ký hiệu trên bao bì ý chí chủ quan của các bị cáo là hàng đông lạnh, các bị cáo cũng không mở ra để kiểm tra hàng hóa bên trong nên không biết hàng hóa mà các bị cáo vận chuyển là pháo nổ.

Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN truy tố các bị cáo về tội vận chuyển hàng cấm trên khối lượng pháo trong bao tải xanh là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này Bùi Ngọc T có vai trò chính, là người thuê Đ vận chuyển, Nông Văn Đ là người trực tiếp vận chuyển, vì vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm với hành vi của mình.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế mà cụ thể là xâm phạm đến chế độ độc quyền của Nhà nước trong quản lý, sản xuất, kinh doanh một số loại mặt hàng. Vì vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử công khai để có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS mà các bị cáo được hưởng: Hai bị cáo Nông Văn Đ và Bùi Ngọc T đều không có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, quá trình điều tra và tại phiên tòa hai bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng vì vậy được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 BLHS, ngoài ra bị cáo Đ có xác nhận là dân tộc thiểu số, có hộ khẩu thường trú tại xã biên giới thuộc vùng có điều kiện kinh tế khó khăn vì vậy bị cáo được hưởng thêm tình tiết thuộc khoản 2 Điều 51 BLHS. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 BLHS.

[6]. Về hình phạt: Xét tính chất vụ án, nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ TNHH đối với bị cáo HĐXX thấy: Các bị cáo có nhân thân tốt, nhiều tình tiết giảm nhẹ hình phạt, xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo cũng nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải, vợ bị cáo Đ đang bị ung thư cần có người chăm sóc, các bị cáo xin được cải tạo tại địa phương, đại diện Viện kiểm sát đề nghị cho các bị cáo được hưởng án treo, HĐXX chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 191 BLHS các bị cáo còn có thể phải áp dụng hình phạt bổ sung, tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo Đ trình bày hoàn cảnh khó khăn vợ đang bị ung thư, bị cáo T không có việc làm,

không có thu nhập, cả hai bị cáo không có tài sản riêng gì, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với hai bị cáo.

[8]. Về vật chứng vụ án: áp dụng điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS.

Tịch thu tiêu hủy: 15,2 kg pháo nổ trong bao tải màu xanh đang được bảo quản và lưu giữ tại kho của mỏ đá Núi Voi thuộc Công ty Cổ phần cơ điện luyện kim TN.

[9]. Những vấn đề khác: Về nguồn gốc số pháo bị thu giữ, Bùi Ngọc T khai do Trịnh Văn Quyến, sinh năm 1990, trú tại; xã Phúc Trìu, thành phố TN, tỉnh TN nhờ T chở giúp ra xe khách Khánh Hoàn để gửi về TN. Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm đối tượng Quyến và nhiều lần xác minh tại nơi cư trú của Quyến nhưng chưa xác định được Quyến đang đi đâu, làm gì. Đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý.

Đối với Hoàng Văn Q1 là phụ xe của xe khách Khánh Hoàn. Qúa trình điều tra cho thấy từ thời điểm nhận chở hàng đến khi bị Cơ quan Công an phát hiện bắt giữ, không ai cho Q1 biết trong số hàng Đ nhận vận chuyển có pháo. Bản thân Q1 có nghi ngờ trong bao tải xanh là pháo, nhưng không kiểm tra thực tế, Q1 hỏi thì được Đ cho biết không phải pháo. Q1 không xác định được người đưa 1.000.000 đồng cho Q1 là ai, Q1 hiểu là tiền uống nước. Do đó, chưa đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với Q1.

Ngoài ra còn có Cù Huy C và Nguyễn Tiến M là những nhân viên đã đổi lái cho Đ và Q1 tại khu vực tỉnh Bắc Kạn. Qúa trình đổi lái, C và M chỉ được Đ, Q1 nhờ trả hàng cho khách, không được cho biết số hàng đó là pháo cũng không được hưởng lợi gì nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

[10]. Bị cáo T phải nộp án phí HSST, miễn án phí HSST cho bị cáo Đ, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

***Bởi các lẽ trên.***

## QUYẾT ĐỊNH:

1. **Căn cứ vào**: Điểm c kh oản 1, Điều 191; Điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015. *Tuyên xử*: Bị cáo Bùi Ngọc T phạm tội: *"Vận chuyển hàng cấm"*.

Xử phạt: Bùi Ngọc T 15 (Mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (Ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

**Căn cứ vào**: Điểm c khoản 1, Điều 191; Điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015. *Tuyên xử*: Bị cáo Nông Văn Đ phạm tội: *"Vận chuyển hàng cấm"*.

Xử phạt: Nông Văn Đ 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi tư) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo T cho UBND xã ĐT, huyện TK, tỉnh CB giám sát và giáo dục.

Giao bị cáo Đ cho UBND xã CV, huyện TK, tỉnh CB giám sát và giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể Q1 định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo

**2. Về vật chứng:** áp dụng điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS.

Tịch thu tiêu hủy: 15,2 kg pháo nổ đang được bảo quản và lưu giữ tại kho của mỏ đá Núi Voi thuộc Công ty Cổ phần cơ điện luyện kim TN.

**3**. Truy thu số tiền 1.500.000đ của Nông Văn Đ do phạm tội mà có.

**4.** Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị Q1 số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của UBTV Quốc hội quy định về án phí, lệ phí toà án: Buộc bị cáo T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, miễn án phí HSST cho bị cáo Đ (thuộc hộ cận nghèo)

**5.** Quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
*- VKSND, Tỉnh, TP;*
*- Công an TPTN;*
*- THA phạt tù;*
*- Sở Tư pháp TN;*
*- Bị cáo;bị hại, NCQLNVLQ*
*- Lưu hồ sơ vụ án.*

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Đoàn Thị Minh Huệ**